

Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2020, Luật Bảo vệ môi trường năm 2014 đã được thay thế bằng Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Nghị định số 155/2016/NĐ-CP ngày 18/11/2016 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, đã được sửa đổi, bổ sung bằng Nghị định số 55/2021/NĐ-CP ngày 24/5/2021. Việc sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế trong các văn bản mới đã khắc phục các hạn chế, vướng mắc và nâng bước tiếp trong thi hành XLVPHC trong lĩnh vực bảo vệ môi trường. Bài viết này sẽ giới thiệu về các điểm mới về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

1. Chế độ, hành vi vi phạm pháp luật bảo vệ môi trường

Theo khoản 1 Điều 2 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2020 [1] (sau đây gọi chung là Luật XLVPHC năm 2012), vi phạm hành chính là hành vi có lỗi do cá nhân, tổ chức thực hiện, vi phạm quy định của pháp luật về quản lý nhà nước mà không phải là tội phạm và theo quy định của pháp luật phải bị xử phạt vi phạm hành chính [2]

. Trong lĩnh vực bảo vệ môi trường hành vi vi phạm pháp luật hành chính chủ yếu được quy định tại Nghị định số 155/2016/NĐ-CP ngày 18/11/2016 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, đã được sửa đổi, bổ sung bằng Nghị định số 55/2021/NĐ-CP ngày 24/5/2021 (sau đây gọi tắt là Nghị định số 155/2016/NĐ-CP) [3]

Ngoài ra, hành vi vi phạm hành chính có liên quan đến lĩnh vực bảo vệ môi trường cũng được quy định tại một số Nghị định khác của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong các lĩnh vực quản lý nhà nước có liên quan [4].

1.1. Chế độ xử phạt

Theo quy định của Luật XLVPHC năm 2012 và Nghị định số 155/2016/NĐ-CP thì:

(1) Cá nhân, tổ chức trong nước và cá nhân, tổ chức nước ngoài (sau đây gọi chung là cá nhân, tổ chức) có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường trong phạm vi lãnh thổ, vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đều bị xử phạt theo các quy định tại Nghị định số 155/2016/NĐ-CP hoặc các Nghị định có liên quan.

(2) Hộ gia đình, hộ kinh doanh cá thể vi phạm các quy định của Nghị định này bị xử phạt như đối với cá nhân vi phạm.

Tổ chức [5] bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường bao gồm:

- Doanh nghiệp tư nhân, Công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh và các đơn vị phụ thuộc doanh nghiệp (chi nhánh, văn phòng đại diện) được thành lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

- Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được thành lập theo quy định của Luật Hợp tác xã;

- Nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức nhân nước ngoài tại Việt Nam, văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài tại Việt Nam được thành lập theo quy định của Luật Đầu tư;

- Cơ quan nhà nước có hành vi vi phạm mà hành vi đó không thuộc nhiệm vụ quản lý nhà nước được giao;

- Tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp;

- Các đơn vị sự nghiệp công lập;

- Các tổ chức khác theo quy định của pháp luật.

1.2. Hành vi vi phạm pháp luật bảo vệ môi trường

Hành vi vi phạm pháp luật bảo vệ môi trường đã được quy định một cách tổng quát tại Điều 7

Luật Bảo vệ môi trường năm 2014 và tiếp tục được ghi nhận tại Điều 6 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 [6]. Các thủ tục hóa các hành vi trái pháp luật – vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, tại khoản 2 Điều 1 Nghị định số 155/2016/NĐ-CP đã xác định:

a) Các hành vi vi phạm các quy định về kế hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá tác động môi trường, bao gồm các hành vi:

- Các hành vi vi phạm các quy định về kế hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá tác động môi trường [7] (Điều 8);

- Vi phạm các quy định về thực hiện quy trình phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường [8] (Điều 9)

- Vi phạm các quy định về thực hiện Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường [9] (Điều 10);

- Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ hoặc triển khai xây dựng dự án, dự án, dự án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ mà không có kế hoạch bảo vệ môi trường hoặc báo cáo đánh giá tác động môi trường [10] (Điều 11);

b) Các hành vi gây ô nhiễm môi trường;

- Vi phạm các quy định về xử lý chất thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường (Điều 13).

- Vi phạm các quy định về xử lý chất thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường hoặc xử lý chất thải có chứa thông số vi sinh vật (Salmonella, Shigella, Vibrio cholerae) theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về xử lý chất thải y tế hoặc xử lý chất thải có pH nằm ngoài ngưỡng quy chuẩn kỹ thuật [11] (Điều 14).

- Vi phạm các quy định về chất thải, khí thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường (Điều 15).

- Vi phạm các quy định về chất thải, khí thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường (Điều 16).

- Vi phạm các quy định về tiếng ồn (Điều 17)

- Vi phạm các quy định về rung động (Điều 18).

- Hành vi gây ô nhiễm đất, nước, không khí; gây ô nhiễm môi trường kéo dài, gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng (Điều 19).

c) Các hành vi vi phạm các quy định về quản lý chất thải;

- Vi phạm các quy định về vận sinh vật công cộng; thu gom, vận chuyển, chôn, lấp, xử lý, thải rác thải sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp thông thường; vận chuyển nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa gây ô nhiễm môi trường (Điều 20).

- Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường đối với chất nguy hại (Điều 21).

- Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường liên quan đến hoạt động vận chuyển chất thải nguy hại (Điều 22).

- Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường liên quan đến hoạt động xử lý chất thải nguy hại và thực hiện Giấy phép xử lý chất thải nguy hại [12] (Điều 23).

- Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường biển (khoản 4, 5, 6 Điều 27).

- Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường nơi công cộng, khu đô thị, khu dân cư (khoản 3 Điều 28).

d) Các hành vi vi phạm quy định về bảo vệ môi trường của cơ sở sản xuất, kinh doanh và dịch vụ (sau đây gọi chung là cơ sở) và khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp, khu kinh doanh dịch vụ tập trung (sau đây gọi chung là khu sản xuất, kinh doanh,

dịch vụ trung) (Điều 12);

đ) Các hành vi vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường trong hoạt động nhập khẩu máy móc, thiết bị, phương tiện giao thông vận tải, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, chất phế thải sinh học; nhập khẩu, phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng; hoạt động khai thác và khai thác khoáng sản;

- Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường trong hoạt động nhập khẩu, phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng; nhập khẩu máy móc, thiết bị, phương tiện giao thông vận tải, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu (Điều 24).

- Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu (Điều 25).

- Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu, sản xuất chất phế thải sinh học trong xử lý chất thải (Điều 26).

- Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường nơi công cộng, khu đô thị, khu dân cư (khoản 1, 2 Điều 28).

- Vi phạm các quy định về nhập khẩu phế liệu môi trường, ký quặng chì, chì môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản và bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại về môi trường (Điều 35).

e) Các hành vi vi phạm các quy định về thực hiện phòng, chống, khắc phục ô nhiễm, suy thoái, sạt lở môi trường;

- Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường biển (khoản 1, khoản 2 Điều 27).

- Vi phạm các quy định về thu hồi, xử lý sản phẩm thải bỏ (Điều 31).

- Vi phạm các quy định về chì, chì môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản (Điều 32).

- Vi phạm các quy định về hoạt động phóng xạ tràn đổ (Điều 33).

- Vi phạm các quy định trong hoạt động vận chuyển hàng nguy hiểm và phòng ngừa, ứng phó, khắc phục sự cố môi trường và bảo vệ môi trường đối với hóa chất, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y (Điều 34).

g) Các hành vi vi phạm hành chính về đa dạng sinh học bao gồm: bảo tồn và phát triển bền vững hệ sinh thái tự nhiên; bảo tồn và phát triển bền vững các loài sinh vật và bảo tồn và phát triển bền vững tài nguyên di truyền;

- Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường biển (khoản 3 Điều 27).

- Vi phạm các quy định về loài thực vật hoang dã, giết hại cây trồng, nấm, vi sinh vật thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ (Điều 40).

- Vi phạm các quy định về bảo vệ các loài hoang dã trong phân khu bảo vệ nghiêm ngặt của khu bảo tồn, trên các khu bảo tồn thuộc hệ thống rừng đặc dụng và khu bảo tồn biển (Điều 41).

- Vi phạm các quy định về quần lý cá sản xuất đa dạng sinh học (Điều 42).

- Vi phạm các quy định về kiểm soát loài ngoại lai xâm hại (Điều 43).

- Vi phạm các quy định về quần lý, tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích từ nguồn gen (Điều 44).

- Vi phạm các quy định về nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và sinh vật biến đổi gen, sản phẩm của sinh vật biến đổi gen, không nghiệm sinh vật biến đổi gen (Điều 45).

- Vi phạm các quy định về sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu, lưu giữ, vận chuyển sinh vật biến đổi gen, sản phẩm của sinh vật biến đổi gen (Điều 46).

h) Các hành vi cản trở hoạt động quản lý nhà nước, thanh tra, kiểm tra, xử phạt vi phạm hành chính và các hành vi vi phạm quy định khác về bảo vệ môi trường được quy định tại Chương II Nghị định này.

- Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường đất (Điều 29).

- Vì phạm các quy định về hoạt động, sinh sống ở khu vực đặc biệt có quan nhà nước có thẩm quyền xác định là khu vực cấm do mức độ đặc biệt nguy hiểm và môi trường đặc biệt và sức khỏe và tính mạng con người (Điều 30).
- Vì phạm các quy định về thu thập, quản lý, khai thác, sử dụng dữ liệu, thông tin về môi trường (Điều 36).
- Vì phạm các quy định về bảo vệ, sử dụng công trình, thiết bị, phòng ngừa tác nhân phát sinh hoạt động bảo vệ môi trường (Điều 37).
- Vì phạm các quy định về hoạt động dịch vụ quản trị môi trường (Điều 38).
- Hành vi cản trở hoạt động quản lý nhà nước, thanh tra, kiểm tra, xử phạt vi phạm hành chính về bảo vệ môi trường (Điều 47).

Ngoài các hành vi nêu đã liệt kê trên, hành vi vi phạm hành chính về bảo vệ môi trường còn được quy định cả tại các văn bản và xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước có liên quan.

2. Nguyên tắc xử phạt, hình thức, mức xử phạt và biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường

2.1. Nguyên tắc xử phạt

Về xử lý vi phạm trong lĩnh vực bảo vệ môi trường thì theo quy định tại Điều 160 Luật bảo vệ môi trường năm 2014 và được tiếp tục kế thừa, quy định tại Điều 161 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020. Theo đó:

- Tổ chức, cá nhân vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường, gây ô nhiễm, suy thoái, suy giảm môi trường, gây thiệt hại cho Nhà nước, tổ chức và cá nhân phải có trách nhiệm khắc phục ô nhiễm, phục hồi môi trường, bồi thường thiệt hại và bồi xử lý theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.
- Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, cán bộ, công chức, viên chức, nhân sự phải trách về bảo vệ môi trường là đồng chức vụ, quy định hạn gây phiền hà, những nhu cầu cho tổ chức, cá nhân, bao che cho tổ chức, cá nhân vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường hoặc thiêu trách nhiệm để xảy ra ô nhiễm, suy giảm môi trường thì tùy tính chất, mức độ vi phạm mà bồi xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự; trường hợp gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Đối với các hành vi vi phạm pháp luật hành chính trong bảo vệ môi trường, việc xử phạt vi phạm phải tuân thủ nguyên tắc xử phạt vi phạm hành chính nói chung được quy định tại Luật xử lý vi phạm hành chính như:

- Mọi vi phạm hành chính phải được phát hiện, ngăn chặn kịp thời và phải bồi xử lý nghiêm minh, mà hậu quả do vi phạm hành chính gây ra phải được khắc phục theo đúng quy định của pháp luật;
- Việc xử phạt vi phạm hành chính được tiến hành nhanh chóng, công khai, khách quan, đúng thẩm quyền, báo cáo công bằng, đúng quy định của pháp luật;
- Việc xử phạt vi phạm hành chính phải căn cứ vào tính chất, mức độ, hậu quả vi phạm, đặc biệt là tình vi phạm và tình tiết giảm nhẹ, tình tiết tăng nặng;
- Chỉ xử phạt vi phạm hành chính khi có hành vi vi phạm hành chính do pháp luật quy định và:
 - + Mọi hành vi vi phạm hành chính chỉ bồi xử phạt một lần.
 - + Nếu người cùng thực hiện một hành vi vi phạm hành chính thì một người vi phạm được bồi xử phạt về hành vi vi phạm hành chính đó.
 - + Mọi người thực hiện hành vi vi phạm hành chính hoặc vi phạm hành chính nhiều lần thì bồi xử phạt về từng hành vi vi phạm, trường hợp hành vi vi phạm hành chính nhiều lần được Chính phủ quy định là tình tiết tăng nặng [\[13\]](#);

- Người có thẩm quyền xử phạt có trách nhiệm chứng minh vi phạm hành chính. Cá nhân, tổ chức bảo vệ xử phạt có quyền tố mình hoặc thông qua người đại diện hợp pháp chứng minh mình không vi phạm hành chính;

- Điều 1 và cùng một hành vi vi phạm hành chính thì mức phạt tiền đối với tổ chức bằng 02 lần mức phạt tiền đối với cá nhân.

Trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, Nghị định số 155/2016/NĐ-CP quy định hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường có thể bị áp dụng một hoặc một số hình thức xử phạt vi phạm sau đây:

2.2. Hình thức, mức xử phạt và biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính

Cũng như trong xử phạt vi phạm pháp luật hành chính nói chung, hình thức xử phạt hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường cũng gồm: (1) Hình thức xử phạt chính và (2) hình thức xử phạt bổ sung.

- Hình thức xử phạt chính: khoản 1 Điều 4 Nghị định số 155/2016/NĐ-CP vận dụng nguyên các hình thức xử phạt và mức phạt tiền tại đa đối với một hành vi vi phạm. Theo đó, cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường bị áp dụng một trong hai hình thức xử phạt chính

sau đây: (1) Cảnh cáo; (2) Phạt tiền tại đa đối với một hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường là 1.000.000.000 đồng đối với cá nhân và 2.000.000.000 đồng đối với tổ chức.

- Hình thức phạt bổ sung và biện pháp khắc phục hậu quả được áp dụng kèm theo hình phạt chính nếu pháp luật có quy định. Theo đó, cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm có thể bị áp dụng các hình thức phạt bổ sung kèm theo hình thức phạt chính, áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi vi phạm.

Theo khoản 2 Điều 4 Nghị định số 155/2016/NĐ-CP, cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm có thể bị áp dụng hình thức phạt bổ sung sau đây:

Một là, tổ chức quy định số đồng có thể hạn chế [14] đối với: Giấy phép xử lý chất thải nguy hại; Giấy phép xử lý khí thải công nghiệp; Giấy xác nhận đủ điều kiện về bảo vệ môi trường trong khu vực phụ lưu làm nguyên liệu sản xuất; Giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm là các chất độc hại, chất lây nhiễm; Giấy chứng nhận đăng ký lưu hành chế phẩm sinh học trong xử lý chất thải tại Việt Nam; Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quản trị môi trường; Giấy phép khai thác loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ; Giấy phép nuôi, trồng các loài nguy cấp, quý hiếm được ưu tiên bảo vệ; Giấy chứng nhận cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học; Giấy phép nuôi trồng, phát triển loài ngoại lai; Giấy phép tiếp cận nguồn gen; Giấy phép khảo nghiệm sinh vật biến đổi gen; Giấy phép nhập khẩu sinh vật biến đổi gen; Giấy chứng nhận an toàn sinh học; Giấy phép trao đổi, mua, bán, tặng cho, thuê mẫu vật của loài hoang dã thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ; Giấy xác nhận sinh vật biến đổi gen đủ điều kiện làm thực phẩm; Giấy xác nhận sinh vật biến đổi gen đủ điều kiện làm thức ăn chăn nuôi (sau đây gọi chung là Giấy phép môi trường) hoặc đình chỉ hoạt động có thể hạn chế theo quy định tại khoản 2 Điều 25 Luật Xử lý vi phạm hành chính từ 01 tháng đến 24 tháng, kể từ ngày quyết định xử phạt vi phạm hành chính có hiệu lực thi hành;

Hai là, tịch thu tang vật vi phạm hành chính, phương tiện dùng để vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường (sau đây gọi chung là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính) [15].

Ba là, việc áp dụng hình thức xử phạt bổ sung đình chỉ hoạt động có thể hạn chế đối với cơ sở hoạt động cung ứng sản phẩm, dịch vụ công cộng của nhà nước giao nhiệm vụ, đất hàng hoặc đất

thực theo quy định tại Nghị định này, trừ trường hợp hành vi vi phạm của cá nhân không gây ô nhiễm môi trường hoặc cá nhân đã chấm dứt hành vi vi phạm hoặc đã khắc phục xong hậu quả vi phạm do hành vi vi phạm hành chính gây ra. Thời điểm đình chỉ hoạt động có thể là thời điểm tính từ thời điểm cá nhân hoặc đơn vị đã giao nhiệm vụ, dứt hàng hoặc dứt thu giao nhiệm vụ, chấm dứt nhận vụ hoặc là chấm dứt của nhà thầu khác đồng cung ứng sản phẩm, dịch vụ công [16]

- Ngoài các hình thức xử phạt chính và bổ sung, cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường còn có thể bị áp dụng một hoặc nhiều biện pháp khác như:

theo quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định số 155/2016/NĐ-CP

[17]

. Theo đó, cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường sẽ bị áp dụng những biện pháp khác như sau đây:

- a) Buộc khôi phục lại tình trạng môi trường đã bị ô nhiễm hoặc phục hồi môi trường bị ô nhiễm do vi phạm hành chính gây ra; buộc trồng lại, chăm sóc và bảo vệ diện tích khu bảo tồn đã bị phá hủy, phục hồi sinh cảnh ban đầu cho các loài sinh vật, thu hồi nguồn gen từ các hoạt động tiếp cận nguồn gen trái pháp luật;
- b) Buộc tháo dỡ hoặc di dời cây trồng, công trình, phần công trình xây dựng trái quy định về bảo vệ môi trường; buộc tháo dỡ công trình, trại chăn nuôi, khu nuôi trồng thủy sản, nhà kính, lán trại xây dựng trái phép trong khu bảo tồn;
- c) Buộc thực hiện các biện pháp khác phục hồi tình trạng ô nhiễm môi trường và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm theo quy định;
- d) Buộc đưa ra khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc buộc tái xuất hàng hóa, máy móc, thiết bị phồn殖 tảo, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, vật phẩm, chế phẩm sinh học và phồn殖 tảo nhập khẩu, đưa vào trong nước trái quy định về bảo vệ môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường; buộc đưa ra khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc buộc tái xuất hàng hóa, vật phẩm, phồn殖 tảo có chứa loài ngoại lai xâm hại, sinh vật biến đổi gen, mẫu vật di truyền của sinh vật biến đổi gen;
- đ) Buộc tiêu hủy hàng hóa, máy móc, thiết bị phồn殖 tảo, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, vật phẩm, chế phẩm sinh học và phồn殖 tảo nhập khẩu, đưa vào trong nước trái quy định về bảo vệ môi trường hoặc gây hại cho sức khỏe con người, vật nuôi và môi trường; buộc tiêu hủy loài sinh vật ngoại lai xâm hại, sinh vật biến đổi gen, mẫu vật di truyền của sinh vật biến đổi gen chưa có Giấy phép khảo nghiệm sinh vật biến đổi gen, Giấy chứng nhận an toàn sinh học; buộc thu hồi và tiêu hủy chế phẩm sinh học đã sản xuất, lưu hành hoặc sử dụng trái phép. Thời gian thu sản phẩm có giá trị sau khi tiêu hủy và xử lý theo quy định của pháp luật;
- e) Buộc công bố chính thông tin sai lệch thật hoặc gây nhầm lẫn về hiện trạng môi trường của các cơ sở và khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung;
- g) Buộc thu hồi, xử lý sản phẩm hết hạn sử dụng hoặc thời hạn theo quy định; buộc thu hồi kết quả phát sinh từ các hoạt động tiếp cận nguồn gen trái pháp luật;
- h) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện vi phạm hành chính hoặc buộc nộp lại số tiền bị ngừng trả giá tang vật, phồn殖 tảo vi phạm hành chính đã bị tiêu hủy, tiêu tán, tiêu hủy trái quy định của pháp luật;
- i) Buộc thực hiện biện pháp giám thiêu u tiêu ng ọ n và đ ư ợ n g, phát sáng, phát nhiệt, qu ố n lý ch ế t th ố i r ộ n và ch ế t th ố i nguy ố i, xử lý ch ế t th ố i đ ể t quy chu ố n k ế thu ố t môi tr ườ n g; buộc ph ố i l ộ p h ồ s ố báo cáo kết qu ố hoàn thành công trình b ồ o v ố môi tr ườ n g trình c ố quan có th ể m quy ố n

- kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường; bucc lập, thcc hiin phcc ng an cci tto, phcc hci môi trường; bucc ký qucc cci tto phcc hci môi trường, mua bcc hiim trách nhiim bci thcc ng thit hci vci môi trường hcc trích lpp qucc dcc phòng rci ro theo quy đcc nh;
- k) Bucc xây lpp công trình bảo vệ môi trường theo quy đcc nh; bucc vcc n hành đung quy trình đci vci công trình bảo vệ môi trường theo quy đcc nh;
- l) Bucc di đci ra khci khu vcc ccc m; thcc hiin đung quy đcc nh vcc khocc ng cách an toàn vcc bcc vcc môi trường đci vci khu dân cc ;
- m) Truy thu scc phic bcc vcc môi trường ncc p thic u, trcc ncc p theo quy đcc nh; bucc chi trcc kinh phí trcc ng ccc giám đcc nh, kic m đcc nh, đcc đcc và phân tích mcc u môi trường (đci vci tcc tcc các thông scc môi trường ccc a các mcc u môi trường vcc t quy chuon kcc thuot) trong trcc ng hcc p có vi phcc m vcc xc hct thci vcc t quy chuon kcc thuot hcc gây ô nhiim môi trường theo đcc nh mcc, đcc giá hiin hành; bucc bci thcc ng thit hci do hành vi gây ô nhiim gây ra theo quy đcc nh ccc pháp luct;
- n) Bucc di đci ccc scc gây ô nhiim môi trường nghiim trcc ng đcc n vcc trí phù hcc p vci quy hcc ch và scc chcc u tcc ccc a môi trường.
- o) Bucc di đci dcc án, ccc scc đcc n đcc a đic m phù hcc p vci quy hcc ch đcc ccc p có thcc m quycc n phê duyct;
- p) Bucc rà soát, ccc tcc o công trình xc lý chct thci đcc ng ycc ccc u kcc thuot vcc bcc vcc môi trường theo quy đcc nh;
- q) Bucc phci lpp đcc t thit bcc, hcc thcc ng quan trcc c ncc c thci tcc đcc ng, liên tcc c hcc c thit bcc, hcc thcc ng quan trcc c khic thci tcc đcc ng, liên tcc c theo quy đcc nh trong thci hcc n do ngcc ci có thcc m quycc n xc phct n đcc nh trong quyct đcc nh xc phct vi phcc m hành chính;
- r) Bucc lpp kcc hcc ch bcc vcc môi trường gci ccc quan qucc n lý nhcc ccc có thcc m quycc n xác nhcc n theo quy đcc nh;
- s) Bucc lpp báo cáo đánh giá tác đcc ng môi trường cho dcc án ccc i tcc o, nâng ccc p, bcc sung các công trình bảo vệ môi trường trình ccc quan có thcc m quycc n phê duyct theo quy đcc nh;
- t) Bucc tháo dcc công trình, thit bcc đcc c xây lpp trái quy đcc nh vcc bcc vcc môi trường đcc xc hct thci không qua xc lý ra môi trường.”

Chú ý 1: pháp luct quy đcc nh: “Vcc áp đcc ng bcc n pháp khcc c phcc hcc u qucc quy đcc nh tcc i các đcc m a, c, h và mcc trên đâycc chỉ đcc c thcc hiin khi có đcc căn ccc chcc ng minh hcc u qucc hcc ccc lci bcc t hcc p pháp thu đcc c hcc ccc scc phic bcc vcc môi trường ncc p thic u, trcc ncc p theo quy đcc nh do hành vi vi phcc m hành chính, trcc trcc ng hcc p bucc chi trcc kinh phí trcc ng ccc giám đcc nh, kic m đcc nh, đcc đcc và phân tích mcc u môi trường

[\[18\]](#)

;

Chú ý 2: Đci vci các hành vi vi phcc m hành chính bcc áp đcc ng bcc n pháp khcc c phcc hcc u qucc bucc lpp, lpp lci báo cáo đánh giá tác đcc ng môi trường, đccng ký kcc hcc ch bcc vcc môi trường, lpp hcc scc đcc nghcc xác nhcc n hoàn thành công trình bảo vệ môi trường, lpp hcc scc đcc nghcc ccc p gic y xác nhcc n đcc đcc u kic n bcc vcc môi trường trong nhcc p khcc u phcc lcc u làm nguyên lcc u scc n xuot hcc ccc bucc ccc i tcc o, nâng ccc p công trình bảo vệ môi trường đcc ng ycc ccc u kcc thuot và ccc p lci gic y xác nhcc n hoàn thành công trình bảo vệ môi trường, thcc tcc kic m tra, thanh tra và xác nhcc n đcc khcc c phcc ccc xcc hcc u qucc vi phcc m hành chính đci vci cá nhcc n, tcc chcc đcc ccc lcc ng ghep vci quá trình thcc m đcc nh, phê duyct báo cáo đánh giá tác đcc ng môi trường xác nhcc n kcc hcc ch bcc vcc môi trường, ccc p gic y pháp xc lý chct thci nguy hcc i, ccc p gic y xác nhcc n đcc đcc u kic n bcc vcc môi trường trong nhcc p khcc u phcc lcc u làm nguyên lcc u scc n xuot, ccc p, ccc p lci gic y xác nhcc n hoàn thành công trình bảo vệ môi

trường của các quan nhà nước có thẩm quyền. Kế tiếp ghi rõ quy định các thẩm quyền hành chính này thay thế kế tiếp của kế tiếp, thanh tra và các đã khác phải xong hồ sơ và phạm vi bảo vệ môi trường đối với cá nhân, tổ chức theo quy định tại Điều này [19].

Ngoài Nghị định số 155/2016/NĐ-CP, các nghị định trong lĩnh vực chuyên ngành như đã nêu trên cũng quy định hình thức phạt tiền là hình thức xử phạt chính đối với hành vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

3. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường

Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường được quy định như sau theo Điều 48 đến Điều 50 Nghị định số 155/2016/NĐ-CP [20]. Trong đó, đối với hình thức xử phạt chính, hình phạt cảnh cáo thuộc thẩm quyền của tất cả ngành nghề, cơ quan có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường. Sự khác nhau về thẩm quyền của ngành, cơ quan có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường được thể hiện ở mức phạt tiền của hình phạt chính (khác biệt này sẽ ảnh hưởng đến thẩm quyền xử phạt đối với các hành vi cụ thể của ngành hoặc cơ quan xử phạt), áp dụng hình thức phạt bổ sung và áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả nào. Cụ thể:

3.1. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có thẩm quyền: phạt tiền đến 5.000.000 đồng; tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị đến 5.000.000 đồng; Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả vì phạm quy định tại các điểm a, b, c, đ, e, g, h, i, k, l, m, o, p, q, r, s và t khoản 3 Điều 4 Nghị định số 155/2016/NĐ-CP.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính theo thẩm quyền và phạm vi quản lý của mình đối với các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường quy định tại điểm a khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 11; các khoản 1, 2, 6, 9 Điều 20; các Điều 39, 40, 41, 42; các khoản 1, 2 Điều 43; các khoản 1, 2 Điều 45 và khoản 1 Điều 46 của Nghị định này.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có thẩm quyền phạt tiền đến 50.000.000 đồng; tịch thu quy định số đồng Giấy phép môi trường có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn thuộc thẩm quyền; tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị đến 50.000.000 đồng; áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả vì phạm quy định tại các điểm a, b, c, đ, e, g, h, i, k, l và m khoản 3 Điều 4 Nghị định số 155/2016/NĐ-CP.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính theo thẩm quyền và phạm vi quản lý của mình đối với các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường quy định tại các Điều 8, 11, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20, 27, 28, 30, 36, 39, 40, 41, 42; các khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều 43, Điều 44, Điều 45, các khoản 1, khoản 2a, khoản 2b, khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 46 và Điều 47 của Nghị định này.

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có thẩm quyền phạt tiền đến 1.000.000.000 đồng; tịch thu quy định số đồng Giấy phép môi trường có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn; tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính; áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả vì phạm quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định số 155/2016/NĐ-CP. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính theo thẩm quyền và phạm vi quản lý của mình đối với các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường quy định tại Nghị định số 155/2016/NĐ-CP.

3.2. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Cục Cảnh sát an ninh

a) Chi cục Cảnh sát an ninh đang thi hành công vụ có thẩm quyền: phạt cảnh cáo; phạt tiền đến 500.000 đồng,

b) Trùm trưởng, Đội trưởng của các đơn vị Cảnh sát an ninh đang thi hành công vụ có thẩm quyền

ho t đ ng có th i h n; t ch thu tang v t, ph ng ti n vi ph m hành chính có giá tr đ n 50.000.000 đ ng; áp đ ng bi n pháp kh c ph c h u qu vi ph m quy đ nh t i kho n 3 Đ i u 4 Ngh đ nh s 155/2016/NĐ-CP.

c) C c tr ng C c K m soát ô nh m thu c T ng c c Môi tr ng và ch c danh t ng đ ng đ c Chính ph giao th c h n ch c năng thanh tra chuyên ngành v tài nguyên và môi tr ng có quy n ph t ti n đ n 250.000.000 đ ng; t c quy n s đ ng Gi y phép môi tr ng có th i h n ho c đình ch ho t đ ng có th i h n; t ch thu tang v t, ph ng ti n vi ph m hành chính có giá tr đ n 250.000.000 đ ng; áp đ ng bi n pháp kh c ph c h u qu vi ph m quy đ nh t i kho n 3 Đ i u 4 Ngh đ nh s 155/2016/NĐ-CP.

d) Chánh thanh tra B Tài nguyên và Môi tr ng, T ng c c tr ng T ng c c Môi tr ng và ch c danh t ng đ ng đ c Chính ph giao th c h n ch c năng thanh tra chuyên ngành v tài nguyên và môi tr ng có quy n ph t ti n đ n 1.000.000.000 đ ng; t c quy n s đ ng Gi y phép môi tr ng có th i h n ho c đình ch ho t đ ng có th i h n; t ch thu tang v t, ph ng ti n vi ph m hành chính; áp đ ng bi n pháp kh c ph c h u qu vi ph m quy đ nh t i kho n 3 Đ i u 4 Ngh đ nh s 155/2016/NĐ-CP.

đ) Tr ng đoàn thanh tra chuyên ngành v tài nguyên và môi tr ng c a B Tài nguyên và Môi tr ng có quy n ph t ti n đ n 250.000.000 đ ng; t c quy n s đ ng Gi y phép môi tr ng có th i h n ho c đình ch ho t đ ng có th i h n; t ch thu tang v t, ph ng ti n vi ph m hành chính có giá tr đ n 250.000.000 đ ng; áp đ ng bi n pháp kh c ph c h u qu vi ph m quy đ nh t i kho n 3 Đ i u 4 Ngh đ nh s 155/2016/NĐ-CP.

Tr ng đoàn thanh tra chuyên ngành v tài nguyên và môi tr ng c a S Tài nguyên và Môi tr ng, T ng c c Môi tr ng và c quan t ng đ ng đ c Chính ph giao th c h n ch c năng thanh tra chuyên ngành v tài nguyên và môi tr ng có quy n ph t ti n đ n 50.000.000 đ ng; t c quy n s đ ng Gi y phép môi tr ng có th i h n ho c đình ch ho t đ ng có th i h n; t ch thu tang v t, ph ng ti n vi ph m hành chính có giá tr đ n 50.000.000 đ ng; áp đ ng bi n pháp kh c ph c h u qu vi ph m quy đ nh t i kho n 3 Đ i u 4 Ngh đ nh s 155/2016/NĐ-CP.

3.4. Th m quy n x ph t vi ph m hành chính c a các c c ng khác

B đ i biên phòng, C nh sát bi n, H i quan, K m lâm, Thanh tra nông nghi p và phát tri n nông thôn, Thanh tra chuyên ngành th y s n, Qu n lý th tr ng, Thu , C ng v hàng h i, C ng v đ ng th y n i đ a có quy n x ph t theo th m quy n quy đ nh t i các Đ i u 40, 41, 42, 43, 44, 45 và 47 Lu t x lý vi ph m hành chính đ i v i nh ng hành vi vi ph m hành chính trong lĩnh v c b o v môi tr ng có liên quan đ n lĩnh v c mình qu n lý quy đ nh t i Ngh đ nh s 155/2016/NĐ-CP. Trong đó, th m quy n c th đ c quy đ nh nh sau:

- K m lâm có th m quy n x ph t vi ph m hành chính theo th m quy n, thu c lĩnh v c và ph m vi qu n lý c a mình đ i v i các hành vi vi ph m hành chính trong lĩnh v c b o v môi tr ng liên quan đ n ho t đ ng, k m lâm đ c quy đ nh t i các Đ i u 39, Đ i u 40, Đ i u 41, Đ i u 42, các kho n 1, 2 3, 4 và 5 Đ i u 43, Đ i u 44, Đ i u 45, các kho n 1, kho n 2a, kho n 2b, kho n 2, đ i m a kho n 3, đ i m a kho n 4 Đ i u 46 và Đ i u 47 c a Ngh đ nh này..

- Thanh tra nông nghi p và phát tri n nông thôn có th m quy n x ph t vi ph m hành chính theo th m quy n, thu c lĩnh v c và ph m vi qu n lý c a mình đ i v i các hành vi vi ph m hành chính trong lĩnh v c b o v môi tr ng liên quan đ n ho t đ ng nông nghi p và phát tri n nông thôn đ c quy đ nh t i kho n 5 Đ i u 12, kho n 3 Đ i u 27, kho n 3 Đ i u 34, các Đ i u 39, 40, 41, 42, 43, 44, 45, 46 và 47 c a Ngh đ nh này.

- Thanh tra chuyên ngành th y s n có th m quy n x ph t vi ph m hành chính theo th m quy n, thu c lĩnh v c và ph m vi qu n lý c a mình đ i v i các hành vi vi ph m hành chính

trong lĩnh vực bảo vệ môi trường liên quan đến hoạt động thủy sản được quy định tại khoản 5 Điều 12, khoản 3 Điều 27, các Điều 39, 41, 42, 43, 44, 45, 46 và 47 của Nghị định này;

- Công vụ hàng hải có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính theo thẩm quyền, thu cấp lĩnh vực và phạm vi quản lý của mình đối với các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường liên quan đến hoạt động hàng hải được quy định tại các Điều 27, 33, 34 và 47 của Nghị định số 155/2016/NĐ-CP;

- Công vụ đường thủy nội địa có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính theo thẩm quyền, thu cấp lĩnh vực và phạm vi quản lý của mình đối với các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường trong khu vực đường thủy nội địa được quy định tại các Điều 33, 34 và 47 của Nghị định số 155/2016/NĐ-CP;

- Bộ đội biên phòng có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính theo thẩm quyền, thu cấp lĩnh vực và phạm vi quản lý của mình đối với các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường được quy định tại các Điều 20, 21, 22, 23, 27, 33, 34, 39, 40, 41, 42; các khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều 43; các khoản 1, khoản 2a, khoản 2b, khoản 2, điểm a khoản 3, điểm a khoản 4 Điều 46 và Điều 47 của Nghị định này;

- Cảnh sát biển có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính theo thẩm quyền, thu cấp lĩnh vực và phạm vi quản lý của mình đối với các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường xảy ra trên vùng biển, vùng đặc quyền kinh tế, vùng quyền chủ quyền của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được quy định tại các Điều 13, 14, 15, 16, 19, 20; các khoản 7, 8, 9 và 10 Điều 21; các khoản 6, 7, 8 và 9 Điều 22; các Điều 27, 33, 34, 39, 40, 41, 42; các khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều 43; Điều 44, Điều 45; các khoản 1, khoản 2a, khoản 2b, khoản 2, điểm a khoản 3, điểm a khoản 4 Điều 46 và Điều 47 của Nghị định này;

- Hải quan có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính theo thẩm quyền, thu cấp lĩnh vực và phạm vi quản lý của mình đối với các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường liên quan đến hoạt động hải quan được quy định tại các khoản 1, 2, 3 Điều 24; các khoản 4, 5, 6, 7 Điều 25; các Điều 26, 40, 43, 46 và 47 của Nghị định này;

- Quản lý thị trường có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính theo thẩm quyền, thu cấp lĩnh vực và phạm vi quản lý của mình đối với các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường liên quan đến hoạt động quản lý thị trường, hàng hóa và hoạt động mua, bán, sơ đồng đồng vật hoang dã, được quy định tại các Điều 26, 40, 43, 46 và 47 của Nghị định số 155/2016/NĐ-CP.

Một điểm cần lưu ý trong thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính như sau: thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của ngành nghề được quy định tại các điều và khoản Điều 48 đến Điều 51 của Nghị định này là thẩm quyền áp dụng đối với hành vi vi phạm hành chính của cá nhân; trong trường hợp phạt tiền, thẩm quyền xử phạt tối đa chỉ có 02 lần thẩm quyền xử phạt cá nhân đối với chức danh đó. Trường hợp phạt tăng thêm đối với các thông số môi trường vượt quy chuẩn kỹ thuật của cùng mức chất thải, thẩm quyền xử phạt được tính theo hành vi vi phạm có mức phạt tiền cao nhất của mức chất thải đó (khoản 2 Điều 5 Nghị định số 155/2016/NĐ-CP).

3.5. Về trách nhiệm và chế độ phạt trong hoạt động kiểm tra, thanh tra và xử phạt vi phạm
Nghị định số 155/2016/NĐ-CP cũng quy định chế độ trách nhiệm và chế độ phạt trong hoạt động kiểm tra, thanh tra và xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường như sau:

Thẩm soát, việc kiểm tra, thanh tra và xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường phải dựa trên nguyên tắc không chồng chéo; không làm ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của cá nhân, tổ chức và pháp nhân. Một năm chỉ có một đoàn kiểm tra hoặc thanh tra trong

lĩnh vực bảo vệ môi trường tại một cơ sở, doanh nghiệp, tổ chức kinh doanh hợp kim tra, thanh tra đột xuất theo quy định của pháp luật.

Thứ hai, Bộ Tài nguyên và Môi trường thông qua quy định quản lý nhà nước về kiểm tra, thanh tra và xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường trên phạm vi cả nước thông qua các nội dung sau đây:

- Lập, phê duyệt, thực hiện kế hoạch kiểm tra, thanh tra trong lĩnh vực bảo vệ môi trường của Bộ Tài nguyên và Môi trường trên phạm vi cả nước theo quy định pháp luật; hàng năm định hướng hoạt động kiểm tra, thanh tra và đưa ra bản kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường cho bộ, cơ quan ngang bộ và ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

- Chỉ đạo, hướng dẫn ủy ban nhân dân cấp tỉnh lập, phê duyệt và thực hiện kế hoạch kiểm tra, thanh tra trong lĩnh vực bảo vệ môi trường; hướng dẫn quy trình, nghiệp vụ trong hoạt động kiểm tra, thanh tra và xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường;

- Phối hợp lực lượng Công an nhân dân phát hiện, ngăn chặn, đấu tranh, phòng chống tội phạm và vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường; cung cấp thông tin kịp thời các dấu hiệu tội phạm trong lĩnh vực bảo vệ môi trường của cá nhân, tổ chức cho lực lượng Công an nhân dân theo quy định của pháp luật;

- Chỉ trì xử lý các trường hợp chồng chéo trong hoạt động kiểm tra, thanh tra và xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường theo nguyên tắc, trách nhiệm và chức năng, nhiệm vụ của Ủy ban này; thông hợp, công khai kết quả xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường trên phạm vi cả nước.

Thứ ba, Bộ Công an chịu trách nhiệm và chỉ đạo lực lượng Công an nhân dân thực hiện các biện pháp phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, đấu tranh, phòng chống tội phạm, vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường và có trách nhiệm sau đây:

- Thực hiện kiểm tra việc chấp hành pháp luật theo quy định pháp luật và theo định hướng của Bộ Tài nguyên và Môi trường; không kiểm tra các đối tượng thuộc kế hoạch kiểm tra, thanh tra hàng năm quy định tại điểm a khoản 2 và điểm a khoản 4 Điều này, trừ trường hợp phát hiện dấu hiệu tội phạm;

- Chỉ trì, phối hợp Bộ Tài nguyên và Môi trường và chỉ đạo lực lượng Công an nhân dân các cấp chỉ trì, phối hợp cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường các cấp thực hiện kiểm tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường của cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật;

- Cung cấp, chỉ đạo lực lượng Công an nhân dân cung cấp thông tin về các vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường của các đối tượng thuộc kế hoạch kiểm tra, thanh tra hàng năm của cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường;

- Chỉ đạo lực lượng Công an nhân dân phối hợp với cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường các cấp khi tiến hành kiểm tra đột xuất cá nhân, tổ chức có dấu hiệu vi phạm pháp luật do lực lượng Công an nhân dân phát hiện. Đoàn kiểm tra do lực lượng Công an nhân dân tổ chức phải có sự tham gia của cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường;

- Định kỳ 06 tháng và hàng năm báo cáo tình hình, kết quả kiểm tra, xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường của lực lượng Công an nhân dân cho Bộ Tài nguyên và Môi trường để thông hợp, công khai theo quy định pháp luật.

Thứ tư, Sở Tài nguyên và Môi trường cấp tỉnh có trách nhiệm:

- Lập kế hoạch kiểm tra, thanh tra trong lĩnh vực bảo vệ môi trường trên cơ sở định hướng của Bộ Tài nguyên và Môi trường và kế hoạch kiểm tra, thanh tra đã được ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt; phê duyệt và thực hiện kế hoạch thực hiện kế hoạch kiểm tra, thanh tra trong lĩnh vực bảo vệ môi trường thuộc thẩm quyền trên địa bàn sau khi có ý kiến thông qua của Ủy ban nhân dân tỉnh;

Tài nguyên và Môi trường;

- Tham gia các đoàn kiểm tra, thanh tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường trên địa bàn do Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Công an nhân dân chỉ trì; phối hợp với Bộ Công an nhân dân trong hoạt động phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, đấu tranh, phòng chống tội phạm và vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường của cá nhân, tổ chức trên địa bàn;

- Thông báo, báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tình hình, kết quả kiểm tra, thanh tra và xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh đến hết 06 tháng và hàng năm.

Trong năm, các bộ, cơ quan ngang bộ và Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm phối hợp trong hoạt động kiểm tra, thanh tra và xử phạt vi phạm trong lĩnh vực bảo vệ môi trường bảo đảm nguyên tắc kiểm tra, thanh tra và xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

4. Thời hạn ra quyết định xử phạt

Thời hạn ra quyết định xử phạt theo Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (sau đây gọi là Luật năm 2012) là ngày, bao gồm cả thứ 7, chủ nhật, ngày nghỉ lễ, tết nên thời gian rút ngắn, gây khó khăn cho người xử phạt nhất là lập biên bản vào ngày cuối tuần, nghỉ lễ, tết. Luật Xử lý vi phạm hành chính sửa đổi, bổ sung năm 2020 (sau đây gọi là Luật năm 2020) đã sửa đổi theo hướng tính ngày sang ngày làm việc và tăng thời hạn xử phạt đối với trường hợp phải chuyển hồ sơ, cấp thẩm:

- Đối với trường hợp không thu được giấy trình, xác minh, nhu cầu tình tiết phức tạp thì thời hạn ra quyết định xử phạt là 07 ngày làm việc, kể từ ngày lập biên bản vi phạm hành chính. Trường hợp phải chuyển hồ sơ xử phạt thì thời hạn ra quyết định xử phạt là 10 ngày làm việc, kể từ ngày lập biên bản vi phạm hành chính, trừ trường hợp hồ sơ do cơ quan tố tụng chuyển sang.

- Đối với trường hợp giấy trình, xác minh các tình tiết có liên quan thì thời hạn ra quyết định xử phạt là 01 tháng, kể từ ngày lập biên bản vi phạm hành chính (kể cả ngày nghỉ, lễ, tết).

- Đối với trường hợp giấy trình, xác minh các tình tiết có liên quan mà đặc biệt nghiêm trọng, có nhu cầu tình tiết phức tạp, cần thêm thời gian xác minh, thu thập chứng cứ thì thời hạn ra quyết định xử phạt là 02 tháng, kể từ ngày lập biên bản vi phạm hành chính (kể cả ngày nghỉ, lễ, tết).

5. Thời hạn thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính

Luật năm 2020 quy định cả thẩm [thời hạn thi hành quyết định xử phạt](#) vi phạm hành chính là 01 năm trừ các trường hợp luật định

[\[21\]](#)

, kể từ ngày ra quyết định, quá thời hạn này thì không thi hành quyết định đó nữa, trừ trường hợp phải quyết định xử phạt có áp dụng biện pháp tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, biện pháp khắc phục hậu quả thì vẫn phải tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, biện pháp khắc phục hậu quả.

Trong đây Luật 2012 quy định chỉ với người tịch thu tang vật, phương tiện thuộc loại cấm lưu hành, áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả trong trường hợp cần thiết để bảo vệ môi trường, bảo đảm giao thông, xây dựng và an ninh trật tự, an toàn xã hội

. So với quy định Luật 2012 thì Luật 2020 quy định tất cả trường hợp tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, khắc phục hậu quả với người thi hành.

6. Hoàn thi hành quyết định phạt tiền

Luật năm 2012 quy định chỉ cá nhân bị phạt tiền từ 3 triệu đồng trở lên mới được hoãn, tạm hoãn không được hoãn thi hành quyết định phạt tiền. Luật năm 2020 đã sửa đổi, bổ sung thêm thẩm cấp được hoãn tiền phạt như sau:

- Cá nhân bị phạt tiền từ 2.000.000đ trở lên (giảm 1 triệu so với Luật 2012); tổ chức bị phạt tiền từ 100.000.000đ trở lên;

- Bổ sung trường hợp cá nhân mắc bệnh hiểm nghèo, tai nạn thì phải có xác nhận của cơ sở khám, chữa bệnh tuyến huyện trở lên.

- Đối với tổ chức đang gặp khó khăn và kinh tế do thiên tai, thảm họa, hỏa hoạn, dịch bệnh thì phải có xác nhận của UBND cấp xã, Ban quản lý khu công nghiệp, khu chức xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế, cơ quan Thuế quản lý thuế hoặc cơ quan cấp trên trực tiếp.

7. Giảm, miễn tiền phạt

- Với giảm, miễn tiền phạt thì bên cá nhân, Luật năm 2020 bổ sung thêm đối tượng miễn, giảm tiền phạt vi phạm hành chính là tổ chức. Quy định cụ thể các trường hợp cá nhân, tổ chức được miễn toàn bộ tiền xử phạt vi phạm hành chính.

- Thẩm quyền xem xét giảm, miễn tiền phạt: Luật năm 2012 quy định cụ thể trên của người có thẩm quyền xử phạt quy định đối với miễn, giảm tiền phạt. Luật năm 2020 quy định người ra quyết định xử phạt quy định đối với miễn, giảm tiền phạt.

8. Công cụ thi hành quy định xử phạt vi phạm hành chính

Luật năm 2020 bên cạnh việc quy định [công cụ thi hành quy định xử phạt](#) áp dụng trong trường hợp cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính không tuân hành quy định xử phạt, thì còn bổ sung trường hợp công cụ thi hành khi cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính không tuân hành hoàn toàn kinh phí cho cơ quan đã thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả. Trong trường hợp hợp kiện cấp, cấp khắc phục ngay hậu quả để kịp thời bảo vệ môi trường, báo động giao thông thì cơ quan này người có thẩm quyền xử phạt đang thực lý hồ sơ vi phạm hành chính tổ chức thi hành biện pháp khắc phục hậu quả.

8.1. Giao quyền công cụ thi hành

- Luật năm 2012 quy định việc giao quyền công cụ thi hành cho cấp phó chủ áp dụng trong trường hợp cấp trưởng vắng mặt. Luật năm 2020 sửa đổi theo hướng được giao quyền công cụ thi hành cho cấp phó thẩm tra xuyên, người được giao quyền không được giao quyền cho người khác.

- Bổ sung thẩm quyền ban hành quy định công cụ thi hành trong trường hợp quyết định xử phạt được chuyển cho cơ quan khác thi hành theo Điều 71, cụ thể: Người có thẩm quyền thu của cơ quan tiếp nhận quyết định xử phạt để tổ chức thi hành quy định tại Điều 71 của Luật này ra quyết định công cụ thi hành hoặc báo cáo cấp trên ra quyết định công cụ thi hành quy định xử phạt vi phạm hành chính.

8.2. Thi hành quy định công cụ thi hành

- Luật năm 2012 quy định quy định công cụ thi hành phải gửi ngay cho cá nhân, tổ chức vi phạm, gây khó khăn cho việc gửi quy định công cụ thi hành; Luật năm 2020 quy định thời hạn gửi là 02 ngày làm việc kể từ ngày ra quyết định công cụ thi hành thì quy định phải được gửi cho cá nhân, tổ chức vi phạm.

- Bổ sung quy định việc gửi quy định công cụ thi hành thực hiện như gửi quy định xử phạt vi phạm hành chính.

- Bổ sung quy định Quy định công cụ thi hành phải được thi hành ngay khi cá nhân, tổ chức bị công cụ thi hành nhận được quy định công cụ thi hành. Quy định này buộc cơ quan, người ban hành quyết định phải có trách nhiệm tổ chức thi hành quy định công cụ thi hành, tuy nhiên khi thi hành sẽ gặp khó khăn vì không thể thi hành ngay được mà cần có thời gian chuẩn bị kế hoạch, phương án, lực lượng công cụ thi hành.

- Bổ sung quy định thời hạn thi hành quy định công cụ thi hành kể từ ngày ra quyết định công cụ thi hành khi chậm trễ hạn thi hành quy định xử phạt vi phạm hành chính (01 năm đối với hình phạt tiền); quá thời hạn này thì không thi hành quy định công cụ thi hành đó, trừ trường hợp hợp quyết định xử phạt có áp dụng hình thức xử phạt tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả thì vẫn phải công cụ thi hành.

- Quy định về trách nhiệm của tổ chức tín dụng trong việc cung cấp thông tin, [khẩu quỹ tài khoản](#) để

việc tổ chức, cá nhân vi phạm bị công khai, công bố như sau:

Kho bạc Nhà nước, chi nhánh ngân hàng nước ngoài nơi cá nhân, tổ chức bị công khai thì hành môn tài khoản có trách nhiệm cung cấp thông tin và điều kiện thì hành quy định như sau: phạm vi phạm hành chính của cá nhân, tổ chức bị công khai trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ khi nhận được yêu cầu bằng văn bản của người có thẩm quyền công khai; tiến hành phong tỏa số tiền trong tài khoản đồng nghĩa với số tiền mà cá nhân, tổ chức bị công khai phải nộp hoặc phong tỏa toàn bộ số tiền trong tài khoản trong trường hợp số dư trong tài khoản tiền gửi ít hơn số tiền mà cá nhân, tổ chức bị công khai phải nộp; thực hiện việc trích chuyển số tiền phải nộp theo yêu cầu của người có thẩm quyền ra quỹ để công khai. Trong thời hạn 05 ngày làm việc từ khi trích chuyển, tổ chức tín dụng, Kho bạc Nhà nước, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có trách nhiệm thông báo cho cá nhân, tổ chức bị công khai biết việc trích chuyển; việc trích chuyển không cần sự đồng ý của cá nhân, tổ chức bị công khai.

9. Thẩm quyền tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính

Đặc biệt phức tạp và khó khăn, vướng mắc trong quá trình thi hành pháp luật, Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2020 đã:

- Bổ sung quy định thẩm quyền [tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính](#) không phải thu vào giá trị tang vật, phương tiện vi phạm hành chính.

- Bổ sung người có thẩm quyền và trình tự thực hiện lập biên bản tạm giữ tang vật phương tiện vi phạm hành chính như sau:

+ Người có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính đang giữ quy định về việc lập biên bản tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, giấy phép, chứng chỉ hành nghề.

+ Trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi lập biên bản, người lập biên bản phải báo cáo người có thẩm quyền tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, giấy phép, chứng chỉ hành nghề đã tạm giữ để xem xét ra quyết định tạm giữ.

- Bổ sung quy định khi thực hiện việc tạm giữ, người lập biên bản, người có thẩm quyền tạm giữ phải niêm phong tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bằng niêm phong, trừ trường hợp: đồng vật, thực vật tươi sống; hàng hóa, vật phẩm dễ hư hỏng, khó bảo quản theo quy định của pháp luật.

- Trường hợp lập tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bằng niêm phong thì phải tiến hành ngay trước mặt người vi phạm; nếu người vi phạm vắng mặt thì phải tiến hành niêm phong trước mặt đại diện gia đình người vi phạm, đại diện tổ chức hoặc đại diện chính quyền cấp xã hoặc ít nhất 01 người chứng kiến. *Ths. Đồng Ngọc Bích Long, Trưởng Ban nghiên cứu chính sách xây dựng, thi hành pháp luật và quản lý ngành, Viện Khoa học pháp lý, Bộ Tư pháp*